

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 6 - 2022

V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Lan và ông Nguyễn Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022, về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Tổ Dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Tổ Dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình

(Anh M và chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26 tháng 4 năm 2022, lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Văn M trình bày:

Anh và chị H có quá trình tìm hiểu là hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 4 năm 2018, tại UBND phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại phường Q được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, đến tháng 02/2019 chị H bỏ nhà đi làm ăn xa và không về nhà nữa, mặc dù anh đã tìm cách liên lạc để động viên chị H trở về nhưng chị H không về nên anh quyết định ly hôn với chị H.

Về con chung và tài sản chung: Quá trình chung sống anh chị không có con chung và tài sản chung

Theo Đơn đề nghị xử vắng mặt ngày 20/5/2022, chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Hiện tại tình cảm giữa chị và anh M không còn nên chị nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh M

Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có con chung và không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại chị đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương để giải quyết ly hôn với anh M được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Anh Trần Văn M có đơn yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H, hiện tại chị H có hộ khẩu thường trú tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình

- Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn anh Trần Văn M và bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H, song xét thấy do điều kiện, công việc nên anh M và chị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh M và chị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị H có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, được gia đình và chính quyền địa phương cho phép đăng ký kết hôn vào ngày 04/4/2018, tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2018 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay anh M và chị H đều vắng mặt nhưng cả hai bên đều nhất trí ly hôn.

Xét thấy, hiện tại anh M, chị H đã sống ly thân, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Văn M, xử cho anh M được ly hôn chị H là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung và tài sản chung: Quá trình chung sống anh M và chị H không có con chung và không có tài sản chung nên không xem xét

[4] Về án phí: Anh Trần Văn M phải nộp tiền án phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016:

1. Xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn anh Trần Văn M và bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn M được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H

3. Về quan hệ con chung và tài sản chung: Không có

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Trần Văn M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí anh M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003363, ngày 11/5/2022.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/6/2022).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

